TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 190/2019/HS-ST
Ngày 01-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Bà Nguyễn Kim Lý.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Ngọc Hoàng An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 180/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1970 tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Tổ 83, khu phố 9, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị K; có chồng là Trương Văn L và có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; Ngày 27/6/2019, bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát, đến ngày 06/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Lê Thị L, sinh năm 1997.

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ K, đường DJ5, khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1991.

Địa chỉ thường trú: Ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: Khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Trương Thị Kim H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim N làm nghề tự do và thường hay xem bói cho người khác. N sống cùng với gia đình tại khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh bình Dương.

Khoảng cuối tháng 5/2019, vợ chồng bà Lê Thị L và ông Hồ Quang B tạm trú tại: Khu phố phố 3B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương xảy ra mâu thuẫn, ông B bỏ về quê và nói cuối năm 2019, bà L phải về Phú Yên sống. Do bà L muốn ông B quay lại và nghe bà Bùi Thị T làm chung công ty nói biết Nguyễn Thị Kim N biết xem bói và làm bùa phép hay nên L xin số điện thoại của N để liên hệ.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/6/2019, bà L gọi điện thoại cho N nói việc gia đình của mình, nhờ N giúp cho chồng ở quê quay vào sống với mình. N không biết làm bùa phép nhưng do đang cần tiền trả nợ nên khi nghe bà L nhờ giúp thì nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà L, N nói có thể làm bùa phép trong thời gian 49 ngày thì chồng của bà L sẽ quay vào nhưng với điều kiện bà L phải đưa tiền cho N số tiền 38.000.000 đồng thì mới hiệu nghiệm. Bà L nói không có tiền thì N nói bà L có thể đưa cho N nhiều lần. Bà L tin tưởng N có thể làm bùa phép để ông B từ quê quay vào sống mình nên đã đưa tiền cho N 05 lần với tổng số tiền là 36.704.000 đồng tại trước quán nước cạnh đường quốc lộ 13 khu vực Ngã ba B thuộc khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 09/6/2019, bà L đưa cho N số tiền 2.852.000 đồng và được N đưa cho 01 tờ giấy bùa là tờ giấy tập học sinh được N dùng bút lông mực đỏ vẽ lên nhưng đường nét đứt quãng. N kêu bà L bỏ tờ giấy bùa trong túi xách khi đi làm và bỏ dưới gối khi ngủ từ từ sẽ có hiệu nghiệm. Lần này, N nhờ chồng là Trương Văn L chở đi nhận tiền.

Lần thứ hai: Ngày 10/6/2019, bà L gọi điện thoại cho N hỏi N sao có bùa rồi nhưng chồng vẫn kêu về quê sống. N nói dối L muốn hiệu nghiệm nhanh thì L phải đưa cho N thêm 10.000.000 đồng. L đồng ý. N hẹn L đến 20 giờ cùng ngày giao tiền tại khu vực Ngã ba B. Bà L tin tưởng nên đồng ý. N lấy bút lông màu đỏ vẽ lên tờ vé số những nét đứt quảng rồi gấp lại. Khoảng 20 giờ cùng ngày, N nhờ Trương Thị Kim H chở đến điểm hẹn. Tại đây, L đã đưa cho N số tiền 10.000.000 đồng và N đưa cho L một tờ vé số mà N đã vẽ lên đó những nét đứt quảng để cho L tin tưởng.

Lần thứ ba: Ngày 13/6/2019, do bị chủ nợ đòi tiền nên N gọi điện thoại cho bà L nói chồng bà L ở quê dùng bùa ngải bắt bà L về quê, bà L không muốn về thì đưa cho N số tiền 18.852.000 đồng để N làm phép. Bà L tin tưởng lời N nên đồng ý. Cùng ngày, N đã nhờ H chở đến khu vực Ngã ba B nhận tiền. Tại đây, bà L nói chỉ có 14.000.000 đồng, số tiền còn lại đưa sau thì N đồng ý nhận 14.000.000 đồng. Lần này, N tiếp tục đưa cho bà L 01 tờ giấy bùa là tờ giấy tập học sinh được N dùng bút lông mực đỏ vẽ lên nhưng đường nét đứt quãng, N kêu bà L mang về đốt bỏ trong tro trong 01 chén nước rồi úp xuống chỗ sạch sẻ của bãi đất trống trước phòng trọ sẽ hiệu nghiệm.

Lần thứ tư: Do chưa đủ tiền, sợ bùa không hiệu nghiệm nên bà L gọi điện cho N giao số tiền còn lại. N bị bệnh nên nhờ H đi nhận tiền dùm. Khoảng 18 giờ ngày 16/6/2019, bà L đã đưa cho H số tiền 4.852.000 đồng tại khu vực Ngã ba B. Sau đó, H mang tiền về đưa cho N.

Lần thứ năm: Ngày 24/6/2019, N chủ động gọi điện thoại cho bà L nói chồng L ở quê làm bùa ngải với số tiền 120.000.000 đồng để bắt bà L về quê, muốn làm bùa phép gỡ thì bà L phải đưa cho N thêm số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 27/6/2019, bà L nghi ngờ N lừa đảo chiếm đoạt tiền của mình nên đến Công an phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương trình báo sự việc, đồng thời gọi điện thoại cho N nói đã có số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) thì N đồng ý nhận tiền. Khoảng 11 giờ cùng ngày, N nhờ H điều khiển xe mô tô hiệu Fusim biển số 63L1 – 2976 đến trước quán nước cạnh đường quốc lộ 13 khu vực Ngã ba B thuộc khu phố 2, phường M gặp bà L. N xuống xe vừa nhận số tiền 5.000.000 đồng và đưa cho bà L tờ giấy bùa thì bị lực lượng Công an bắt giữ quả tang cùng tang vật:

- Tiền mặt 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); 01 (một) tờ giấy bên trên có vẽ nét mực đứt quãng;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30 có số seri R58M316704Y, vỏ máy màu đen, có ốp nhựa, bên trong có sim số 0338.682.247, có nhiều vết trầy xước; số tiền 276.000 đồng (hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) của N;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Fusin, biển số 63L1-2976, số máy 362019; 01 (một) chứng minh nhân dân Trương Thị Kim H.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Kim N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với lời khai của bị hại và tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Đối với số tiền chiếm đoạt được là 31.704.000 đồng, N khai đã trả nợ hết cho người đàn ông tên Kiên không rõ lai lịch. Đối với Trương Văn L và Trương Thị Kim H, N khai L và H không biết việc N lừa đảo chiếm đoạt tiền của Lê Thị L. Đối với điện thoại Samsung Galaxy A30 bị thu giữ, N khai nhận là điện thoại của N làm phương tiện phạm tội chiếm đoạt số tiền của Lê Thị L.

Đối với tờ giấy bùa mà Nguyễn Thị Kim N đưa cho chị Lê Thị L lần thứ nhất và lần thứ hai, bà L khai đã làm mất.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Fusin biển số 63L1-2976, chủ sở hữu là của ông Nguyễn Thanh S là chồng của Trương Thị Kim H. Ông S không biết H sử dụng xe chở N đi chiếm đoạt tiền của người khác nên ngày 24/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát trả lại xe mô tô hiệu Fusin biển số 63L1-2976 lại cho ông S. Đối với chứng minh nhân dân mang tên Trương Thị Kim H nên ngày 24/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát trả lại chứng minh nhân dân trên cho H.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị L yêu cầu Nguyễn Thị Kim N phải trả số tiền chiếm đoạt còn lại là 20.704.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 192/CT-VKSBC ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và tình tiết tăng nặng cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim N mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 20.704.000 đồng.

Về vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30, có số seri R58M316704Y, vỏ máy màu đen, có ốp nhựa là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc với bị hại để chiếm đoạt tiền của bị hại.

- Quản thủ thi hành án số tiền 276.000 đồng thu giữ của bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy sim diện thoại số 0338.682.247.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát.

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 09/6/2019 đến ngày 24/6/2019 bị cáo đã có hành vi gian dối để bị hại Lê Thị L tin là bị cáo có thể làm bùa phép với giá 38.000.000 đồng cho bị hại để chồng bị hại quay về sống với bị hại. Vì tin bị cáo nên bị hại đã đưa tiền cho bị cáo và bị cáo đã 05 lần chiếm đoạt của bị hại với tổng số tiền 36.704.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 09/6/2019 bị cáo chiếm đoạt của bị hại 2.852.000 đồng

Lần thứ hai: Ngày 10/6/2019 bị cáo chiếm đoạt 10.000.000 đồng của bị hại.

Lần thứ ba: Ngày 13/6/2019 bị cáo chiếm đoạt 14.000.000 đồng của bị hại.

Lần thứ tư: Ngày 16/6/2019 bị cáo chiếm đoạt 4.852.000 đồng của bị hại.

Lần thứ năm: Ngày 24/6/2019 bị cáo chiếm đoạt của bị hại 5.000.000 đồng thì bị bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó Cáo trạng số 192/CT-VKSBC ngày 07 tháng 10 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Vì tham lam tư lợi, muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác mà không cần phải lao động nên bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian

dối chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ . Do đó cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo để nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội cũng như phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền bị cáo chiếm đoạt còn lại là 20.704.000 đồng.

[4] Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Fusin biển số 63L1-2976, chủ sở hữu là của ông Nguyễn Thanh S là chồng của Trương Thị Kim H. Ông S không biết H sử dụng xe chở N đi chiếm đoạt tiền của người khác nên ngày 24/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát trả lại xe mô tô hiệu Fusin biển số 63L1-2976 lại cho ông S là phù hợp.

- Cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30, có số seri R58M316704Y, vỏ máy màu đen, có ốp nhựa là phương tiện bị cáo dùng liên lạc với bị hại để chiếm đoạt tiền của bị hại.

- Quản thủ số tiền 276.000 đồng đã thu giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại số 0338.682.247.

Đối với Trương Thị Kim H có hành vi chở bị cáo đi để bị cáo gặp bị hại chiếm đoạt tiền của bị hại. Ngoài ra H còn gặp bị hại để nhận tiền hộ bị cáo nhưng không biết việc bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại do đó không bị xử lý hình sự là phù hợp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim N phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành hình phạt tù trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/6/2019 đến ngày 06/7/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim N phải bồi thường cho bị hại Lê Thị L số tiền là 20.704.000 đồng (hai mươi triệu bảy trăm lẻ bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị L cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án xong.

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A30, có số seri R58M316704Y, vỏ máy màu đen, có ốp nhựa, có nhiều vết trầy xước.

- Quản thủ để đảm bảo thi hành án số tiền 276.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy sim điện thoại số 0338.682.247.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát và giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 31/10/2019 của Kho bạc Nhà nước thị xã Bến Cát).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phì hình sự sơ thẩm và 1.035.200 đồng (một triệu không trăm ba mươi lăm ngàn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THA Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Lưu: Hồ sơ, TA (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Thế Thị Ngọc Anh